

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 15/12/2022

V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Trường.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Chất

Ông Vũ Thanh Tuấn.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2022/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/HNGĐ - ST ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXX-PT ngày 27/10/2022 và các Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Đức H**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tiểu đoàn 3, Trường quân sự Q - đường P, phố T2, phường S, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

**- Bị đơn:** Chị **Đào Thị T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu dân cư Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lại Xuân C và Luật sư Phan Thị Phương T1 - Công ty Luật TNHH NTB Legal. Địa chỉ: Tầng 3 số 72C K, phường Y, quận G, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Chị Đào Thị T (Bị đơn). Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:

Anh và chị Đào Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện H2, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/3/2005. Quá trình chung sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, biểu hiện là chị T có những lời nói, hành động không đúng mực, thiếu tôn trọng anh cũng như gia đình anh. Nguyên nhân là do đợt dịch bệnh Covid, anh làm trong môi trường quân đội nên đơn vị thường xuyên phải đi thực hiện nhiệm vụ phòng chống dịch bệnh ở nhiều nơi. Bản thân chị T và gia đình chị T không thông cảm lại cho rằng anh có quan hệ với người khác không quan tâm đến vợ con, đồng thời chị T còn cho rằng bố mẹ anh xúi giục anh bỏ vợ con. Từ đó, vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã thường xuyên, từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay anh chị ly thân nhau không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh H xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T không có hạnh phúc, không còn tình cảm, khó có điều kiện để cải thiện quay về chung sống nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Hà A1, sinh ngày 02/8/2005 và Nguyễn Đức A2, sinh ngày 24/8/2009, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn anh H đề nghị giao cả hai con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh có trách nhiệm cấp dưỡng cho mỗi con là 2 triệu đồng/tháng, hai con là 4 triệu đồng/tháng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh H xác định vợ chồng sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau về tài sản chung; vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng tài sản gì; vợ chồng không có công sức trong thời gian ở chung cùng gia đình hai bên nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về các vấn đề này khi ly hôn.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Đào Thị T trình bày: Chị và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H1, huyện H2, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/3/2005. Sau kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh H đến khi sinh cháu lớn thì chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở phường A, thành phố H để tiện cho công việc làm ăn. Vợ chồng chung sống vui vẻ, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì chị phát hiện anh H có biểu hiện quan hệ nam nữ không lành mạnh nên thiếu sự quan tâm chăm sóc vợ con dẫn tới vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, quan điểm thường xuyên bất đồng. Từ ngày 25/6/2021 cho đến nay vợ chồng ly thân, anh H không quay về với mẹ con chị. Sau này chị tìm hiểu thì biết anh H có quan hệ nam nữ không lành mạnh với chị Quách Thị D ở phường C, thành phố H. Anh H đề nghị giải quyết ly hôn, chị T xác định tình trạng vợ chồng mâu thuẫn nhỏ vẫn có thể cải thiện được và chị sẵn sàng tha thứ bỏ qua tất cả để vợ chồng chung sống cùng nuôi dạy các con chung. Trong trường hợp anh H cương quyết giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hà A1, sinh ngày 02/8/2005 và Nguyễn Đức A2, sinh ngày 24/8/2009, hiện đang ở với chị và các cháu đều thể hiện quan điểm muốn được ở với mẹ. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì chị đồng ý sẽ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và nhất trí việc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con số tiền 2 triệu đồng, hai con là 4 triệu đồng/tháng kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T xác định trong trường hợp ly hôn thì chị và anh H sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau về tài sản chung; do vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng tài sản gì và cũng không có công sức chung với gia đình hai bên nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết về các vấn đề này khi vợ chồng ly hôn.

Ông Nguyễn Đức V là bố đẻ anh Nguyễn Đức H trình bày: Anh H và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T ghen tuông vô cớ, chị T cho rằng anh H có quan hệ nam nữ không lành mạnh với nhiều người phụ nữ khác từ đó có nhiều cử chỉ, hành động thiếu chuẩn mực đối với anh H cũng như đối với gia đình ông. Trong thời gian vợ chồng mâu thuẫn, anh H có tổ chức đi chơi và ăn uống với bạn bè tại gia đình ông thì chị T lại cho rằng gia đình ông ủng hộ và khuyến bảo anh H bỏ vợ. Ông xác định, khi vợ chồng anh H, chị T xảy ra mâu thuẫn các bên không có biện pháp để cải thiện, từ đó chị T nghi ngờ không tốt về gia đình nhà chồng dẫn tới tình cảm giữa hai bên thông gia cũng có nhiều căng thẳng dẫn tới không thể khuyến bảo để cải thiện tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng. Anh H có đơn xin ly hôn, bản thân ông Vỹ không mong muốn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc với chị Quách Thị D ở số 02/78 P1, phường C, thành phố H xác định: Chị D và anh H cùng một số người khác nữa có quan hệ với nhau là bạn bè. Do chơi thân với nhau nên thường đến nhà nhau chơi, tổ chức ăn uống cũng như đi du lịch. Thời điểm tháng 5/2022, chị T cùng một số người thân của chị T do nghi ngờ anh H có quan hệ nam nữ không lành mạnh với chị nên có cùng công an phường đến nhà chị để kiểm tra nhưng không có anh H ở đó. Kể từ đó chị và anh H không còn gặp nhau nữa, chị xác định giữa chị và anh H chỉ có quan hệ bạn bè, ngoài ra không còn quan hệ nào khác.

Tại biên bản làm việc với ông Hoàng Vũ T3 - Phó trưởng công an phường C xác định: Vào khoảng 21 giờ giữa tháng 5/2022 có người đàn ông trung tuổi đến công an phường đề nghị kiểm tra cư trú của gia đình chị Quách Thị D. Khi xuống thì cửa nhà khoá, bên trong nhà tắt điện, phía ngoài có chị Đào Thị T ở phường A, thành phố H cùng một số người khác đề nghị kiểm tra cư trú tại nơi ở của chị D vì chị T nghi ngờ chồng chị là anh H có quan hệ nam nữ với chị D và đang ở trong nhà chị D. Ông T3 đã bấm chuông, gọi cửa nhưng không có người trả lời. Đến sáng ngày hôm sau, công an phường nhận được điện thoại của công dân thông báo trước cửa nhà 02 ngõ 78 phố P1 có một số người gây mất trật tự công cộng nên Ông T3 có xuống địa bàn và vẫn thấy chị T cùng người nhà ở đó.

Chị T khẳng định anh H chồng chị vẫn đang ở trong nhà chị D nên đề nghị công an phường tiến hành kiểm tra cư trú. Sau khi thuyết phục được chị D cho mọi người vào nhà nhưng chị T cũng không thấy anh H ở trong nhà.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2022/HNGĐ-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 107, 108, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức H ly hôn chị Đào Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hà A1, sinh ngày 02/8/2005 và Nguyễn Đức A2, sinh ngày 24/8/2009 cho chị Đào Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đức H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) một tháng, hai con chung là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) một tháng. Thời gian anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung kể từ tháng 8/2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, về quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2022 chị Đào Thị T kháng cáo bản án của Tòa án nhân dân thành phố H vì cho rằng chị vẫn còn tình cảm với anh H. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: đề nghị Tòa án chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của chị T vì chị T vẫn còn tình cảm với anh H, chị có thể bỏ qua mọi lỗi lầm của anh và khắc phục thiếu sót của bản thân; cháu Hà Anh chuẩn bị thi đại học, chị không muốn làm xáo trộn tâm lý của cháu; các con rất cần có bố ở bên để dìu dắt các cháu. Đề nghị Tòa án sửa bản án sơ thẩm để vợ chồng về đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái.

Nguyên đơn anh Nguyễn Đức H không nhất trí nội dung kháng cáo của chị T, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:**

**Về việc tuân theo pháp luật:** Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về hướng giải quyết vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị T.
- Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 47/2022/HNGĐ-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương.
- Chị Đào Thị T phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] **Về tố tụng:** Kháng cáo của chị Đào Thị T trong thời hạn luật định nên kháng cáo hợp lệ được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] **Về nội dung:**

Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện H2, tỉnh Hải Dương ngày 14/3/2005 là hôn nhân hợp pháp. Theo chị T trình bày vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì chị phát hiện anh H có những biểu hiện không chung thủy với chị, anh thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến gia đình vợ con, bỏ bê con cái, anh còn nhắn tin chửi bới, xúc phạm và thách thức chị, vợ chồng sống ly thân từ ngày 25/6/2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên, chị xác định vẫn còn tình cảm với anh H, chị có thể bỏ qua mọi lỗi lầm của anh và khắc phục thiếu sót của bản thân; cháu Hà Anh chuẩn bị thi đại học, chị không muốn làm xáo trộn tâm lý của cháu và các con rất cần có bố ở bên để dìu dắt các cháu nên chị không nhất trí ly hôn và tìm cách để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng anh H lại không tìm biện pháp khắc phục để hoá giải mâu thuẫn mà anh càng quan tâm hơn với những mối quan hệ bạn bè, tổ chức ăn uống, đi du lịch, thiếu sự quan tâm, chăm sóc đối với cuộc sống gia đình. Bên cạnh đó, anh H còn chơi bời, cờ bạc, đập phá huân huy chương, nghi ngờ chị không chung thủy và xúc phạm chị. Do vậy, nhiều lần chị làm đơn tố cáo đến đơn vị công tác của anh H để anh H suy nghĩ lại.

Theo anh H trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do chị T nghi ngờ anh có quan hệ không lành mạnh với nhiều người phụ nữ khác, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Từ đó chị T có những hành động và lời nói xúc phạm anh và gia đình anh khiến anh không chịu đựng được nên đã chủ động sống ly thân, không về với mẹ con chị T. Do vậy, chị T đã nhiều lần làm đơn tố cáo anh đến nơi công tác khiến anh bị kỷ luật vì đã thờ ơ, vô cảm với vợ con. Anh xác định anh và chị T không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn của vợ chồng không thể cải thiện được. Những việc làm của chị T không nhằm mục đích

giữ gìn hạnh phúc gia đình mà nhằm mục đích bôi nhọ, danh dự của anh và mong muốn anh bị đuổi việc. Như vậy, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho anh chị ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của chị T.

Tại cấp phúc thẩm, chị T kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ và cũng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị T.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của chị Đào Thị T không được chấp nhận nên chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/HNGĐ-ST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương về quan hệ hôn nhân như sau:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.  
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Đào Thị T.

2. Về án phí phúc thẩm: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2021/0001171 ngày 05/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thành phố H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND xã H1, huyện H2, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**Nguyễn Xuân Trường**